

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VLXD PHÚC LỘC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VLXD PHÚC LỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502508385

**3. Ngày thành lập:** 11/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 652 Trương Công Định, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0906781556

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn nông sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ<br>Chi tiết: Bán buôn gạo, nếp, tấm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4631     |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4662     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi; Mua bán hàng trang trí nội ngoại thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663     |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn băng keo các loại; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Bán buôn giấy, hạt nhựa, nhựa đường, bê tông, nhựa nóng, khôn mẫu, ván ép, ván sàn, ống nước. Bán buôn phân bón (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở). Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh. Bán buôn sợi dệt, bột giấy. Bán buôn nhôm tấm, ionox, đồng, thùng carton, bao bì nhựa, các loại khuôn mẫu; Bán buôn các sản phẩm cơ khí; Bán buôn giấy in, giấy nhám, giấy nhãn, giấy trang trí, giấy làm bao bì, khăn giấy, sơn nước, bột trét tường (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở). | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; Thẩm tra thiết kế nội - ngoại thất công trình; Tư vấn xây dựng. | 7110        |
| 8.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi                                                                                                                                                                     | 0810(Chính) |
| 9.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột<br>Chi tiết: sản xuất tinh bột gạo, khoai tây, đậu nành, bột sắn, bột ngô ẩm                                                                                                                          | 1062        |
| 10. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: sản xuất nông sản                                                                                                                                                                       | 1079        |
| 11. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 12. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 13. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                             | 4102        |
| 14. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                       | 4211        |
| 15. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                        | 4212        |
| 16. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                            | 4221        |
| 17. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Hệ thống tưới tiêu (kênh); Các bể chứa; xây dựng công trình cửa; Hệ thống nước thải, bao gồm cả xử lý; Nhà máy xử lý nước thải; Khoan nguồn nước.                                                  | 4222        |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                   | 4229        |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông; Nhà máy năng lượng; Xây dựng các đường dây trung, hạ thế đến 35KVA                                            | 4299        |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nông sản                                                                                                                                                               | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | BÙI THỊ<br>PHƯƠNG<br>ANH | 15 Ba Cu, Phường<br>1, Thành phố<br>Vũng Tàu, Tỉnh<br>Bà Rịa - Vũng<br>Tàu, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 255.000       | 2.550.000.000            | 51,000       | 0381890061<br>47                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                      | Tổng số                            | 255.000       | 2.550.000.000            | 51,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THỊ<br>MẬT        | 15 Ba Cu, Phường<br>1, Thành phố<br>Vũng Tàu, Tỉnh<br>Bà Rịa - Vũng<br>Tàu, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 235.000       | 2.350.000.000            | 47,000       | 0301660132<br>49                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                      | Tổng số                            | 235.000       | 2.350.000.000            | 47,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                      |                                                                                            |                                    |        |             |       |                  |
|---|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|-------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>NGỌC PHƯỚC | Quảng Tây, Xã<br>Nghĩa Thành,<br>Huyện Châu Đức,<br>Tỉnh Bà Rịa -<br>Vũng Tàu, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 2,000 | 0770620016<br>17 |
|   |                      |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                      |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                      |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                      |                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                      |                                                                                            | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 2,000 |                  |
|   |                      |                                                                                            |                                    |        |             |       |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                      |              |                                                                                                                                             |            |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI THỊ PHƯƠNG ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038189006147

Ngày cấp: 25/09/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 15 Ba Cu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 15 Ba Cu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu